



SAFIRA

"Khởi nguồn năng lượng - Hạnh phúc tràn đầy"

KHƠI NĂNG LƯỢNG CHO SỰ NGHIỆP THÀNH CÔNG

Khởi nguồn từ tiềm năng gia tăng giá trị Bất Động Sản tại khu Đông Thành phố, SAFIRA xứng đáng là nơi an cư và đầu tư lý tưởng, để khơi nguồn năng lượng cho cuộc sống hạnh phúc và sự nghiệp thành công.

SAFIRA được thiết kế theo phong cách Singapore hiện đại, mà Khang Điền đã dành nhiều tâm huyết để kiến tạo nên một không gian sống năng động với cảnh quan tươi đẹp, đầy đủ tiện nghi cao cấp.

Tổng diện tích: hơn 2,7 ha

Quy mô: 4 Tháp 22 tầng và 2 tầng hầm

Tổng số căn hộ: 1570 căn hộ và 23 căn TMDV

Loại căn hộ: 1+1PN, 2PN, 3PN, Duplex và căn TMDV

Tiện ích: Gym, hồ bơi, khu phố thương mại, nhà trẻ, mini-mart, café, công viên ven sông, phòng sinh hoạt cộng đồng, bảo vệ 24/7.





TIẾP NĂNG LƯỢNG NỔI VẠN SỰ HANH THÔNG

Nằm ở phía Đông thành phố, SAFIRA luôn tràn đầy sinh khí cũng như nguồn năng lượng tích cực giúp kết nối vạn sự hanh thông.

SAFIRA tọa lạc mặt tiền đường N6 (lộ giới 20m) kết nối vào đường N5 (lộ giới 20m) tiếp giáp đường Võ Chí Công, ngay góc giao Cao tốc TPHCM – Long Thành – Dầu Giây, cách trung tâm Quận 1 và khu đô thị Phú Mỹ Hưng chỉ 10-15 phút, liền kề khu dân cư hiện hữu Mega Residence, Mega Ruby và khu biệt thự cao cấp Lucasta. Tại SAFIRA, cư dân dễ dàng tiếp cận các trung tâm thương mại, bệnh viện, trường học quốc tế trong khu vực...




Golf An Phú
3 phút

3 mins


ĐH Fulbright


Chợ Phú Hữu


KCNC Samsung
Quận 2
5 phút

5 mins


Trường
Nguyễn Văn Trỗi


Chợ Phước Bình


BV Q2 - Q9

TP mới
Thủ Thiêm
Thảo Điền
7 phút

7 mins


Trường quốc tế
AIS, BIS, TAS

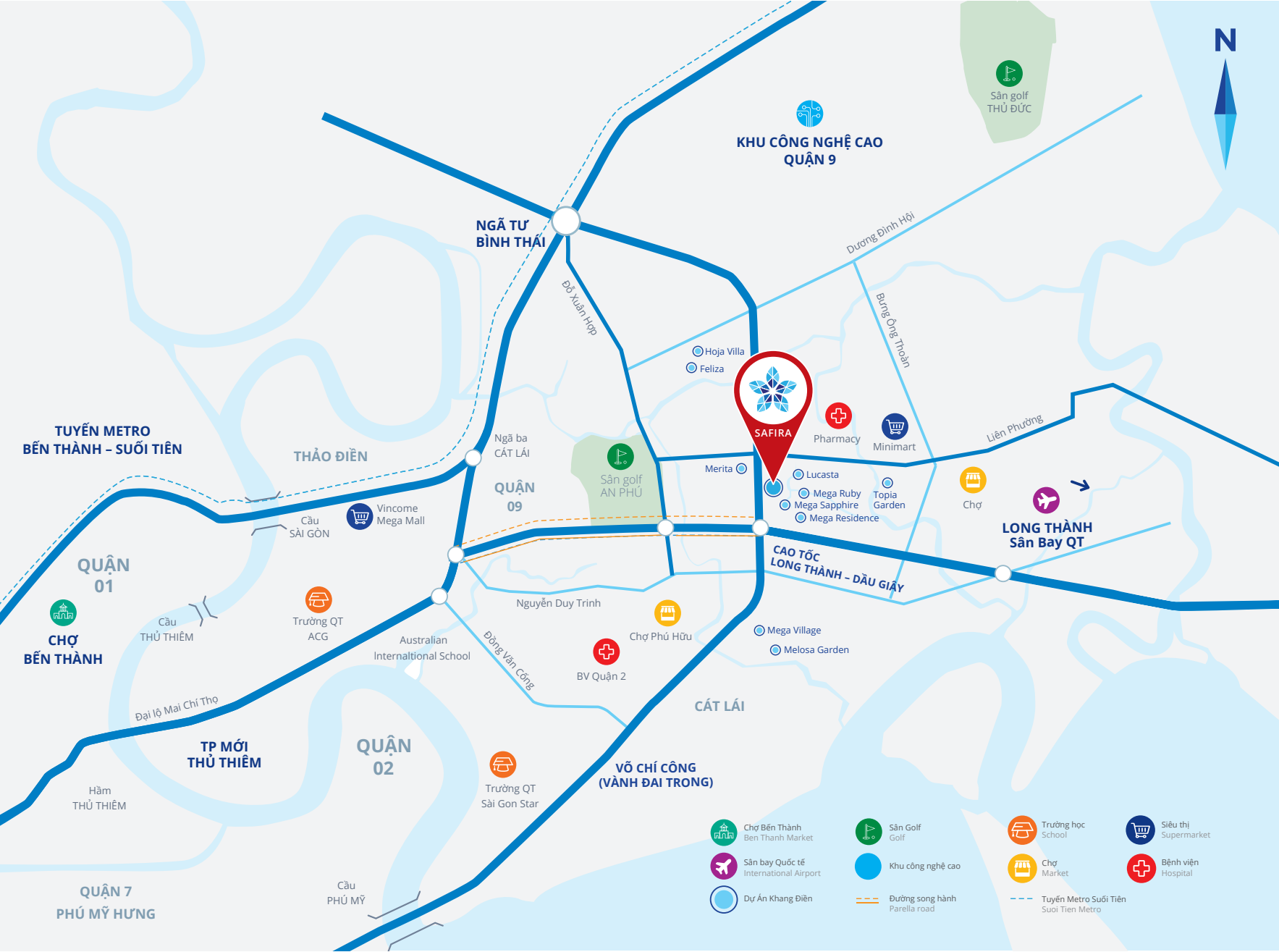

Co.op Q9
Mega Market
Mega Mall

Quận 1
10 phút
10 mins

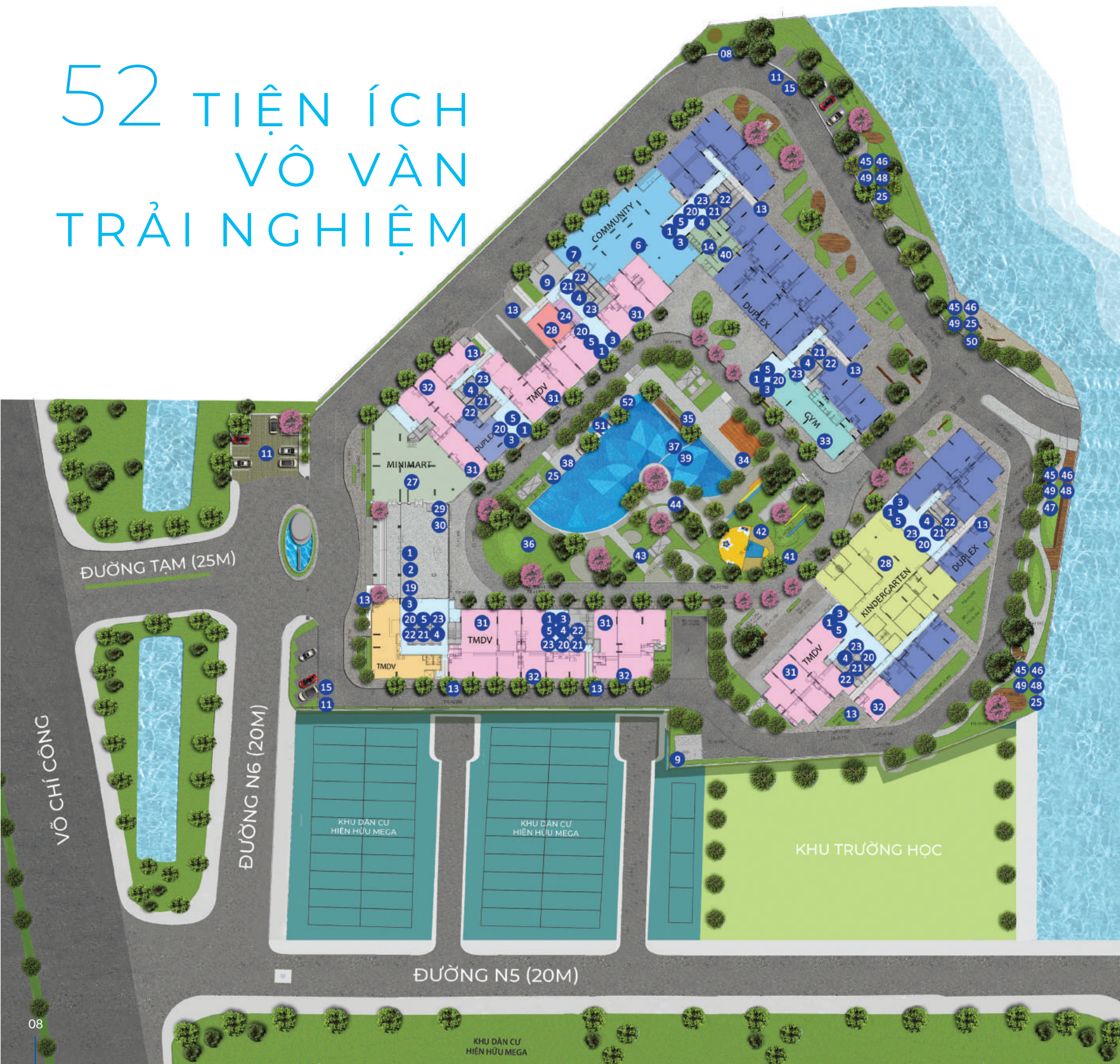

Bến Thành

Phú Mỹ Hưng
15 phút

Phu My Hung
15 mins



52 TIỆN ÍCH VÔ VÀN TRẢI NGHIỆM



KHU CHUNG CƯ VĂN MINH – HIỆN ĐẠI - THÂN THIỆN

- 1 Sảnh đưa đón trung tâm & từng khối nhà có mái che
- 2 Đại sảnh hướng dẫn & không gian đón tiếp sang trọng
- 3 Lối vào - sảnh thang máy tầng 1 riêng biệt từng khối
- 4 Hệ thống thang máy hiện đại sang trọng
- 5 Khu vực hòm thư & không gian chờ từng khối nhà
- 6 Không gian sinh hoạt cộng đồng đúng tiêu chuẩn
- 7 Không gian sinh hoạt cộng đồng ưu tiên
- 8 Khu đặt Lư hóa vàng
- 9 Trạm thu gom rác
- 10 Văn phòng BQLTN 24/7
- 11 Bãi đỗ xe ngoài trời
- 12 Bãi đỗ xe tầng hầm (2 hầm)
- 13 Lối cho người khuyết tật (NKT)
- 14 Nhà wc cho NKT
- 15 Khu vực để xe cho NKT

AN NINH CHẶT CHẼ - KIỂM SOÁT AN TOÀN

- 16 Nhà bảo vệ 24/24
- 17 Hệ thống camera cổng chính

- 18 HT camera lối vào - ra tầng hầm
- 19 HT camera sảnh chính
- 20 HT camera sảnh tầng 1 các tháp
- 21 HT camera thang máy
- 22 HT camera thang bộ thoát hiểm
- 23 Thẻ từ an ninh thang máy lên căn hộ
- 24 Hệ thống PCCC 24/24
- 25 Đội ngũ bảo hộ hồ bơi, bờ kênh
- 26 Đội ngũ bảo trì kỹ thuật 24/24

THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐA DẠNG & TIÊU CHUẨN

- 27 Siêu thị Mini 24/7
- 28 Trường mầm non chuẩn quốc tế
- 29 Khu café sân vườn – tầng 9
- 30 Thang máy riêng biệt cho khu café tầng 9
- 31 Chuỗi TMDV tầng 1 & 2 nội khu
- 32 Chuỗi TMDV tầng 1 & 2 ven sông
- 33 Phòng tập Gym – Fitness
- 34 Sân tập Gym – Yoga garden
- 35 Pool bar ngoài trời
- 36 Đồi cỏ SAFIRA

KHÔNG GIAN THƯ GIÃN NGHỈ NGƠI LÝ TƯỞNG

- 37 Hồ bơi tràn diện tích lớn
- 38 Sàn gỗ tắm nắng trải dài
- 39 Hồ bơi trẻ em an toàn
- 40 Khu wc thay đồ hồ bơi hiện đại
- 41 Sân chơi trẻ em liên thông trường mầm non
- 42 Sân chơi đa năng (bóng rổ, leo núi, cầu tuột,...)
- 43 Vườn dạo quanh hồ & ghế ngồi nghỉ tĩnh
- 44 Khu BBQ hồ bơi
- 45 Công viên bờ sông
- 46 Đường dạo xe đạp
- 47 Đường chạy bộ ven sông
- 48 Đài vọng cảnh ven sông
- 49 Khu BBQ ven sông
- 50 Quảng trường bờ sông & biểu tượng công trình
- 51 Hồ thư giãn
- 52 Jacuzzi

MẶT BẰNG TẦNG
ĐIỂN HÌNH &
MẶT BẰNG CHI TIẾT
MẪU CĂN HỘ

Floor & unit plans

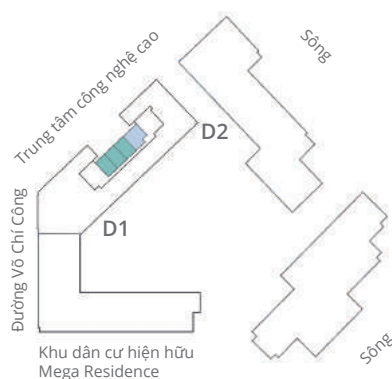
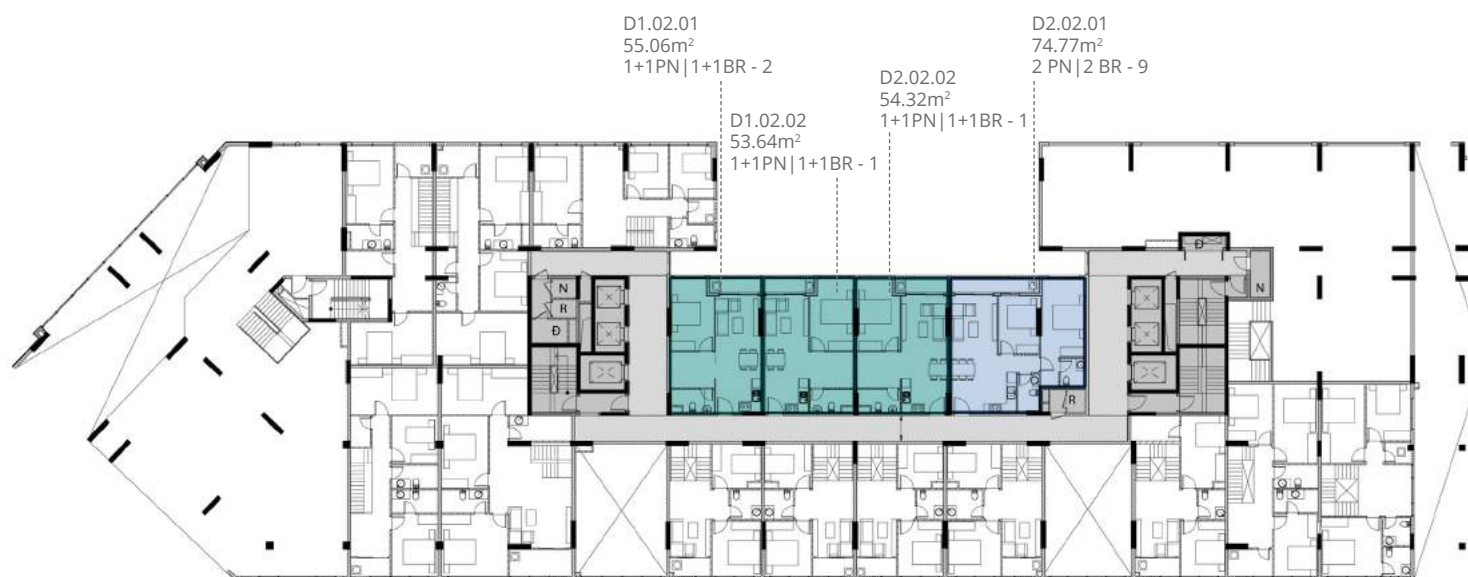
BLOCK D

MẶT BẰNG TẦNG ĐIỂN HÌNH

FLOOR PLAN



TẦNG 2
Level 2



- 1+1 Phòng ngủ
1+1 Bedroom
- 2 Phòng ngủ
2 Bedroom

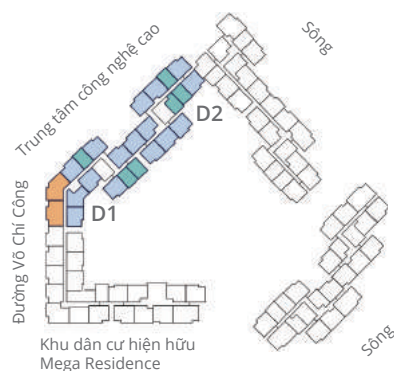
LƯU Ý / NOTE:

Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.
The information is for reference only. Official information will be based on final signed contracts.



TẦNG 3

Level 3



1+1 Phòng ngủ
1+1 Bedroom

3 Phòng ngủ
3 Bedroom

2 Phòng ngủ
2 Bedroom

Sân vườn
Garden

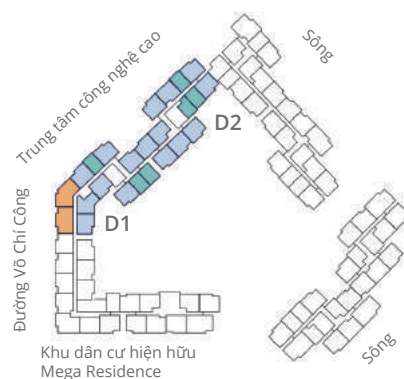
LƯU Ý / NOTE:

Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.
The information is for reference only. Official information will be based on final signed contracts.

MẶT BẰNG TẦNG ĐIỂN HÌNH

FLOOR PLAN

TẦNG 4-16
Level 4-16



1+1 Phòng ngủ
1+1 Bedroom

3 Phòng ngủ
3 Bedroom

2 Phòng ngủ
2 Bedroom

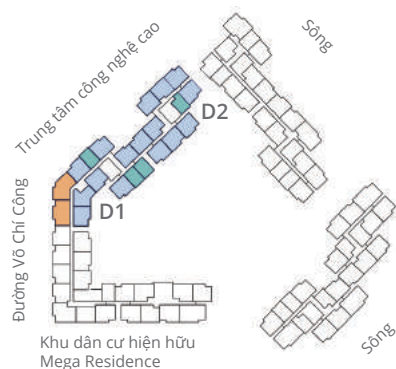
LƯU Ý / NOTE:

Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.
The information is for reference only. Official information will be based on final signed contracts.



TẦNG 17-21

Level 17-21



- 1+1 Phòng ngủ
1+1 Bedroom
- 2 Phòng ngủ
2 Bedroom

- 3 Phòng ngủ
3 Bedroom

LƯU Ý / NOTE:

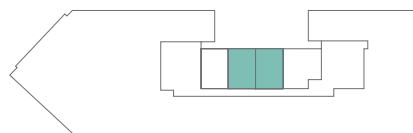
Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.
The information is for reference only. Official information will be based on final signed contracts.

1+1 Phòng ngủ Bedroom

LOẠI
TYPE

1

Tầng 2



Tầng 3-16



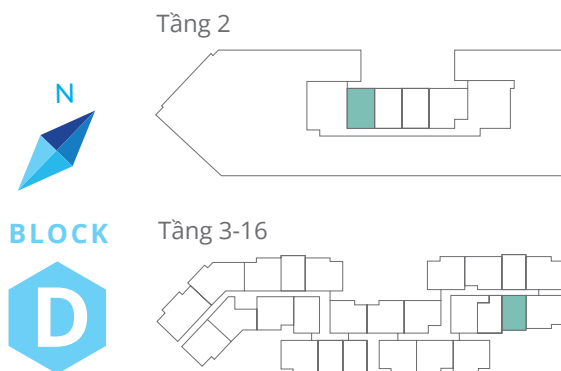
Tầng 17-21



Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tìm tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thuỷ Usable area (m ²)
D1.02.02	2	53.64	50.81
D1.**.07	3-21	49.90	46.60
D1.**.10	3-21	51.40	46.30
D1.**.11	3-21	49.90	46.60
D2.02.02	2	54.32	50.58
D2.**.08	3-16	50.30	47.10

LƯU Ý:

Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.



Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tim tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D1.02.01	2	55.06	50.16
D2.**.11	3-16	49.80	46.80

LƯU Ý:
 Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

1+1 Phòng ngủ Bedroom

LOẠI
TYPE 3



Tầng 3 - 16



Tầng 17 - 21



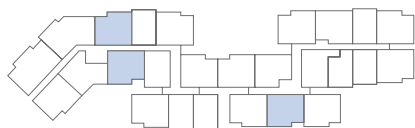
Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tìm tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D2. **.12	3-16	49.80	46.40
D2. **.10	17-21	49.76	46.35

LƯU Ý:

Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

2 Phòng ngủ
Bedroom

LOẠI
TYPE 1



Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tìm tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D1.**.01	3-21	67.90	63.60
D1.**.06	4-21	68.20	64.20
D2.**.02	3-21	68.00	64.00

LƯU Ý:
Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

2 Phòng ngủ
Bedroom

LOẠI
TYPE

1A



Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích sàn Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D1.03.06	3	68.20	64.20



LƯU Ý:
Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.



Mã căn
Unit No.

Tầng
Floor

Diện tích tim tường
Floor area (m²)

Diện tích thông thủy
Usable area (m²)

D1.**.02

3-21

66.40

62.10

LƯU Ý:

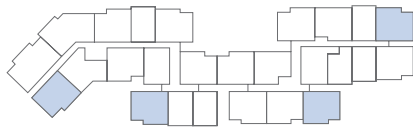
Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

2 Phòng ngủ
Bedroom

LOẠI
TYPE 3



Tầng 3 - 16



Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tim tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D1.**.03	3-21	69.40	63.30
D1.**.12	3-21	70.10	63.70
D2.**.01	3-21	70.10	63.80
D2.**.09	3-16	69.40	63.20

LƯU Ý:
Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.



Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tìm tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D1. **.08	3-21	69.40	63.50
D2. **.06	3-21	69.60	63.30



LƯU Ý:
Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

2 Phòng ngủ
Bedroom

LOẠI
TYPE

5



Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tim tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D1.**.09	3-21	68.70	63.80



LƯU Ý:
Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.



Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tim tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D2.**.03	3-21	69.80	63.50
D2.**.04	3-21	68.90	62.90



LƯU Ý:
Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

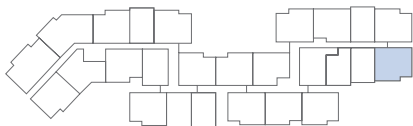
2 Phòng ngủ
Bedroom

LOẠI
TYPE

7A



Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tim tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D2. **.10	3-16	69.70	63.20



LƯU Ý:
Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.



Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tim tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D2. **.08	17-21	71.35	64.79



LƯU Ý:
 Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

2 Phòng ngủ
Bedroom

LOẠI
TYPE

8A



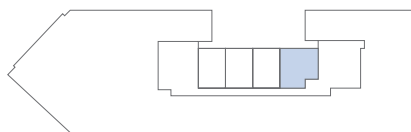
Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tim tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D2. **.09	17-21	71.06	64.62



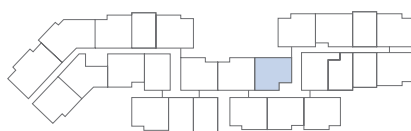
LƯU Ý:
Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.



Tầng 2

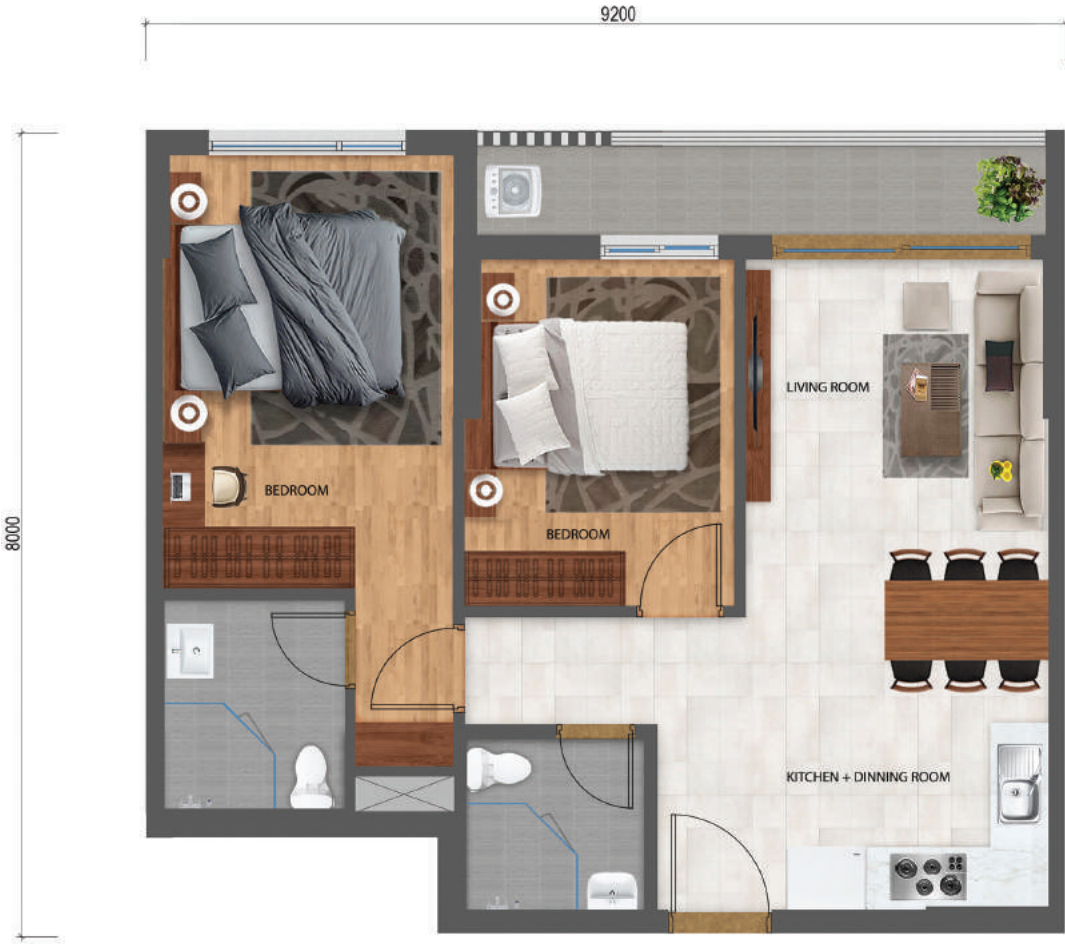


Tầng 3 - 21

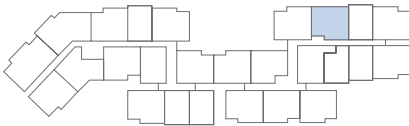


Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tìm tường Floor area (m²)	Diện tích thông thủy Usable area (m²)
D2.02.01	2	74.77	71.10
D2.**.05	3-21	66.10	62.13

LƯU Ý:
Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.



Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tim tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D2. **.07	3-21	68.20	64.40



LƯU Ý:
Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

3 Phòng ngủ
Bedroom

LOẠI
TYPE

1



Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tim tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D1.**.04	4-21	89.70	82.70



BLOCK



LƯU Ý:
Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

3 Phòng ngủ Bedroom

LOẠI
TYPE

1A



Mã căn

Unit No.

Tầng

Floor

Diện tích tìm tường

Floor area (m²)

Diện tích thông thủy

Usable area (m²)

D1.03.04

3

89.70

82.70



BLOCK



LƯU Ý:

Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

LOẠI TYPE 2



Mã căn Unit No.	Tầng Floor	Diện tích tìm tường Floor area (m ²)	Diện tích thông thủy Usable area (m ²)
D1.**.05	3-21	93.30	88.10

LƯU Ý:

Thông tin chỉ mang tính tham khảo tại thời điểm phát hành tài liệu này (15/10/2018). Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.



Phòng 1&2, Tầng 11. Tòa nhà Saigon Centre,
67 Lê Lợi, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3820 8858
Fax: (028) 3820 8859

www.safira.com.vn

Lưu ý: Tất cả thông tin và hình ảnh chỉ mang tính chất tham khảo tại thời điểm
phát hành tài liệu này (15/10/2018).

www.khangdien.com.vn

Phát triển bởi:

